

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2025/DS-PT

Ngày: 24 - 11 - 2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr;

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Tuyết;

Ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 318/2025/TLPT-DS ngày 06/10/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 389/2025/QĐ-PT ngày 04/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết là hàng xóm của nhau nên bà có cho bà Nguyễn Thị N vay các lần tiền như sau:

Lần 1: Vào ngày 25 tháng 12 năm 2011 (A), tức nhằm ngày 18 tháng 01 năm 2012 (D), bà cho bà N vay số tiền 7.800.000 đồng, hẹn ngày trả vào ngày 20 tháng 01 năm 2012 (A), nhằm ngày 11 tháng 02 năm 2012 (Dl).

Lần 2: Vào ngày 14 tháng 01 năm 2014 bà cho bà N vay số tiền 8.000.000 đồng, hẹn trả vào tháng 02 năm 2014, mục đích vay tiền để làm bìa đỏ cho gia đình. Tuy nhiên, chồng bà N không biết và không liên quan đến 02 khoản vay nêu

trên. Cả hai lần vay trên các bên không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ của các khoản vay thì bà N không trả cho bà như đã cam kết nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 15.800.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 02/01/2025 là 32.568.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà chỉ yêu cầu bà N trả số tiền đã vay là 15.800.000 đồng và không yêu cầu bà N trả tiền lãi suất.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về nội dung yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn thì bà không đồng ý, bởi vì vào ngày 25/12/2011 (AL) bà có ký tên vào tờ giấy có vay bà N số tiền 7.800.000 đồng là vì thời điểm này bà Nguyễn Thị T làm trong Công ty M có rủ rê, lôi kéo bà tham gia Công ty M tại nhà Thu H. Mỗi người khi tham gia là từ 01 đến 03 gian hàng, số tiền mở mỗi gian hàng là 5.000.000 đồng, bà T dụ dỗ để bà tham gia nhưng bà không tham gia vì tài chính tiền là chồng bà quản lý. Tuy nhiên, bà T tự nguyện cho bà mượn số tiền 15.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng ra là còn 12.600.000 đồng. Sau một thời gian làm việc bà mời được người thì bà T trừ nợ và lấy tiền dần. Đến khi Công an vào cuộc thì bà T có làm giấy tờ đưa sang nhờ bà ký giấy tờ không vay mượn tiền gì của bà T nữa. Còn đối với giấy vay tiền 8.000.000 đồng vào ngày 14/01/2014 bà có mượn số tiền 8.000.000 đồng, xác nhận chữ ký là của bà. Đối với số tiền này thì bà T cũng cho bà vay để mua tiếp 1 gian hàng tại Công ty L. Nên bà mới ký giấy nhận nợ đối với bà T với số tiền 8.000.000 đồng. Tại thời điểm ký giấy tờ bà T buộc bà viết và ký vào 02 giấy nhận nợ. Tổng cộng 02 giấy nhận nợ là 15.800.000 đồng. Đến năm 2012 Công an vào cuộc triệt phá đường dây của Công ty M thì những ai làm chủ chốt thì bị mời đến làm việc, còn bản thân bà nộp tiền bị mất thì không mời đến. Bà không được lợi gì nên bà cũng không làm đơn tố cáo ra Công an, về mặt giấy tờ thì bà không có giấy tờ gì thể hiện để chứng minh, và trong hai giấy vay tiền cũng không thể hiện nội dung này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 123; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.800.000 đồng (*Mười lăm triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 790.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: (15.800.000 đồng x 5%). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số

tiền 1.209.200 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000909 ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền vay mà bà Nguyễn Thị T khởi kiện và không đồng ý trả lại số tiền 15.800.000 đồng này cho bà T.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà N và giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, thì thấy:

[1] Về số tiền vay gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị N đều xác định hai bên có lập các giấy vay tiền, cụ thể: Giấy mượn ghi ngày 25/12/2011 (AL) với số tiền vay 7.800.000 đồng và Giấy vay tiền ghi ngày 14/01/2014 với số tiền vay 8.000.000 đồng. Bà N cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong 02 giấy nêu trên là do bà ký và viết ra. Như vậy, sự việc các bên viết giấy vay cho nhau là có thật nên không cần phải chứng minh.

Bị đơn bà N cho rằng đối với số tiền 7.800.000 đồng theo giấy mượn ghi ngày 25/12/2011 (AL) thì bà T tự nguyện cho bà mượn số tiền 15.000.000 đồng để tham gia mua gian hàng của Công ty M và sau này bà T đã trả nợ và lấy tiền dần nên bà không còn nợ bà T nữa; đối với số tiền 8.000.000 đồng theo Giấy vay ghi ngày 14/01/2014 thì bà N cho rằng bà không nhận tiền mặt của bà T mà bà T cho bà vay để đóng tiền vào Công ty L và việc bà viết giấy vay là do bị bà T rủ rê, ép buộc. Tuy nhiên, những nội dung này không được nguyên đơn bà T thừa nhận. Xét thấy, tại nội dung của các giấy vay tiền ghi ngày 25/12/2011 (AL) và ngày 14/01/2014 không thể hiện mục đích vay là vay tiền để mua các gian hàng trên mạng, đồng thời việc vay tiền được thực hiện vào hai thời điểm khác nhau, cách nhau một khoảng thời gian nhất định và trước ngày 14/01/2014 thì Công ty M đã

chấm dứt hoạt động (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk), tại Bản án này thì xác định cả bà T, bà N đều là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và cũng không xem xét đến khoản nợ giữa bà T và bà N.

Như vậy, việc bà N cho rằng tại thời điểm ký giấy vay vào năm 2014 thì bà bị ép buộc viết và ký tên vào 02 giấy vay là không có cơ sở, đồng thời bà N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn bà N.

[2] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà T không yêu cầu và có đơn xin rút đối với phần này nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 790.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 1.209.200 đồng (*Một triệu hai trăm lẻ chín ngàn hai trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk).

[2]. Áp dụng Điều 123; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Tuyên xử:

[3.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.800.000 đồng (*Mười lăm triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3.2]. Về án phí:

[3.3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 790.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.209.200 đồng (*Một triệu hai trăm lẻ chín ngàn hai trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0000909 ngày 08/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

[3.3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0001331 ngày 24/7/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk). Như vậy, bà Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr